TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07 -5 - 2018.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Thị Lệ**

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Ông Trương Minh Quan** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 về "**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Trần Quốc Cao G**, sinh năm: 1978 *(có mặt)*

Địa chỉ: Số 154 đường N, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Bà Trần Thị D**, sinh năm: 1987 *(vắng mặt)*

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Số 154 đường N, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Quốc Cao G trình bày:***

Ông và bà Trần Thị D quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 198, quyển số 01, ngày 22/12/2007.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng ông chung sống hạnh phúc và có hai người con chung tên Trần Cao H- sinh ngày 25/12/2009 và Trần Tường A – sinh ngày 05/8/2013. Tuy nhiên thời gian về sau vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, bất hòa; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mặt khác do bà D làm ăn thua lỗ nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ đó bà D bỏ lại hai con nhỏ cho ông tự chăm sóc, nuôi dưỡng và bỏ nhà đi từ năm 2014 cho đến nay không trở về; mặc dù ông đã tìm mọi cách để liên lạc nhưng không có bất kỳ thông tin của bà D và không biết bà D hiện ở đâu.

Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống, ông G quyết định chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà D nên đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị D mất tích để làm căn cứ xin ly hôn, ngày 11/7/2017 Tòa án nhân dân thành phố G đã ra quyết định tuyên bố bà Trần Thị D mất tích.

Từ ngày Tòa án tuyên bố bà D mất tích đến nay, bà D vẫn không có bất cứ liên lạc gì về với gia đình; ông Gi hoàn toàn không có tung tích và không biết hiện nay bà D đang ở đâu. Về địa chỉ cư trú cuối cùng của bà D trước khi bỏ đi ông G xác định là tại số 154 đường N, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể đoàn tụ nên ông G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị D.

Về quan hệ con chung: Ông G yêu cầu giao hai con chung tên Trần Cao H - sinh ngày 25/12/2009 và Trần Tường A - sinh ngày 05/8/2013, hiện đang sống cùng ông, cho ông tiếp tục nuôi dưỡng; ông xác định bản thân đủ khả năng kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông G xác định quá trình chung sống vợ chồng ông không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông G xác định vợ chồng ông không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông G vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị D cũng như yêu cầu nuôi con chung, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

*** Đối với bị đơn bà Trần Thị D:** Tòa án đã lập thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay theo quy định pháp luật, tuy nhiên bà D không có mặt và không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa bà Trần Thị D vắng mặt.

*** Tại Biên bản lập ngày 22/01/2018, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu Trần Cao H (con chung giữa ông G và bà D) như sau:** Cháu H và em gái hiện đang sống cùng với ông G và được ông G yêu thương, chăm sóc tốt, do đó nguyện vọng của cháu H vẫn muốn được tiếp tục sống cùng ông G.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Quốc Cao G, do bà Trần Thị D đã có quyết định của Tòa án tuyên bố bà D mất tích; đồng thời đề nghị giao hai con chung giữa ông G và bà D cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con ông G không yêu cầu giải quyết, về tài sản chung và nợ chung ông G xác định không có, nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Quốc Cao G khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Thị D; địa chỉ cư trú cuối cùng tại số 154 đường N, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu được quyền nuôi con chung. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" và theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà Trần Thị D.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Quốc Cao G và bà Trần Thị D được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2007; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/12/2007, nên theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Quốc Cao G, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm

sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng ông G và bà D phát sinh bất đồng, mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn, bà D đã bỏ nhà đi từ năm 2014 cho đến nay không trở về, không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người vợ, người mẹ đối với chồng, con. Tại phiên tòa ông G vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà D; đồng thời ngày 11/7/2017 Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang đã ra quyết định số 03/2017/QĐDS-ST tuyên bố bà Trần Thị D mất tích, từ sau khi bị tuyên bố mất tích đến nay bà D vẫn không có bất kỳ liên lạc nào với gia đình và không có căn cứ xác định hiện nay bà D đang ở đâu. Qua xem xét, đánh giá Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; hôn nhân không có khả năng đoàn tụ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông G là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật; do đó sau khi nghị án, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G, xử cho ông được ly hôn với bà D.

[5] Xét yêu cầu của ông G về việc nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận định: Từ khi bà D bỏ nhà đi đến nay, hai người con chung của ông G và bà D là cháu Trần Cao H - sinh ngày 25/12/2009 và cháu Trần Tường A - sinh ngày 05/8/2013, đều sống cùng ông G, do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình chăm sóc, giáo dục con chung ông G đã thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình; đảm bảo đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp cho các con sinh sống, học tập và phát triển. Tại phiên tòa, ông G giữ nguyên yêu cầu xin nuôi con chung và xác định đủ khả năng kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc con, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của ông G là phù hợp quy định pháp luật; phù hợp nguyện vọng của cháu H; do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H và cháu A, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của ông G, giao cháu Trần Cao H và cháu Trần Tường A cho ông G tiếp tục nuôi dưỡng; không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do ông G không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông G xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Do bà Trần Thị D không có lời khai tại Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, nếu sau này bà D có yêu cầu về vấn đề con chung, về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Quốc Cao G phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc Cao G về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" đối với bà Trần Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Quốc Cao G và bà Trần Thị D.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 (Hai) con chung giữa ông Trần Quốc Cao G và bà Trần Thị D là cháu Trần Cao H - sinh ngày 25/12/2009 và cháu Trần Tường A - sinh ngày 05/8/2013 cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông G không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Ông Trần Quốc Cao G phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ông G đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001788 ngày 10/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/5/2018). Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Lệ **Chung Kim Sang** **Huỳnh Kim Yến**